

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY'S PUBLIC SECURITY
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
THE TRAFFIC POLICE DIVISION



ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
MOTOR VEHICLE REGISTRATION CERTIFICATE

Số (Number): 131479

Mẫu 05 BH theo TT
số 01/2007/TT-BCA(C11) ngày 02/01/2007















ĐIỂM CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Ấp C. Tân...
Thị trấn Thành, Tiến Giang
Số điện thoại: 02733 831211

TỐC ĐỘ
BẢO TRÌ DATA

LẮP INTERNET WIFI
X2 ƯU ĐÃI

52N-0703

Tên chủ xe (Owner's full name):

VIÊN THÔNG TP HCM

Số máy (Engine N^o):

20A3-4016207

Địa chỉ (Address):

125 Hai Bà Trưng P. BN. Q1

Số khung (Chassis N^o):

35300C320882

Nhãn hiệu (Brand):

HONDA

Tên động cơ (B. of E.):

20A3

Loại xe (Type):

Ôtô con

Dung tích (Capacity):

1997

Màu sơn (Color):

Xám-Bạc

Công suất (Horsepower):

112

Năm sản xuất (Year of manufacture):

1993

Tự trọng (Empty weight):

1355

Kích thước bao: -Dài (Length): 4,700 m; Rộng (Width): 1,700 m; Cao (Height): 1,400 m

Overall dimension

Tải trọng: Số chỗ ngồi (Sit): 04 đứng (Stand): nằm (Lie): Hàng hoá: Goods:

Gross weight: Seat capacity

Đăng ký xe có giá trị đến ngày tháng năm

Valid until date

Biển số đăng ký

Hồ Chí Minh, ngày (date) 16 tháng 09 năm 2009

(N^o Plate)

52N-0703

Trưởng phòng

Đăng ký lần đầu ngày:

Date of first registration

30/06/1994

THƯỜNG LÁ Võ Văn Vân

CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.

Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.

2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả.

Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.

3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.

4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp, làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.

Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.

5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.

Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.

6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.

BỘ XÂY DỰNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

MOC – Vietnam Register

Ng: VA 1881771

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Biển đăng ký: 52N-0703
(Registration plate)

Số quản lý PT: 5005V-007428
(Vehicle inspection No.)

Nhóm phương tiện (Vehicle's group): ô tô chở người đến 8 chỗ

Loại phương tiện: ô tô con
(Vehicle's type)

Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường
(Clean, green energy vehicle) ☐

Cho phép tự động hoá
(Allows automation)

☐

Một phần
(Partially)

☐

Toàn phần
(Fully)

Nhãn hiệu, tên thương mại: HONDA ACCORD
(Trademark, Commercial name)

Mã kiểu loại (Model code):

Số động cơ (Engine No): F20A34016207

Số khung (Chassis No): JHMCB35300C320882

Năm, Nước sản xuất: 1993, Nhật Bản
(Production year, Country)

Niên hạn sử dụng:
(Lifetime limit to)

Có kinh doanh vận tải (Commercial)

☐

Có cải tạo (Modification):

☐

THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1460/1440 (mm)
(Wheel formula) (Wheel tread)

Kích thước bao (Overall dimensions): 4700x1700x1400 (mm)
Kích thước lòng thùng xe: (mm)
(Inside dimensions of cargo desk)

Khoảng cách trục (Wheel base): 2720 (mm)

Khối lượng bản thân (Kerb mass): 1355 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP LN: (kg)
(Design/Authorized cargo pay mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP LN: (kg)
(Design/Authorized towed mass)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 1635/1635 (kg)
(Design/Authorized total mass)

Số người cho phép chở (không bao gồm người lái) Ngồi: 3 Đứng: 0 Nằm: 0
(Permissible No of Pers carried, not include driver: seating, standing, lying)

Loại động cơ đốt trong (Engine type):

- Ký hiệu (Engine model): F20A3-X414
- Thể tích làm việc (Engine Displacement): 1997 (cm3)
- Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 112kW/6100rpm
(Maximum engine output/rpm)
- Loại nhiên liệu (Fuel): Xăng

Loại động cơ điện:
(Motor type)

- Số lượng, ký hiệu:
(Number of motors, motor model)
- Điện áp/ Tổng CS động cơ điện:
(Voltage/ Total rated power of motors)
- Loại ắc quy (Battery type):
- Điện áp/dung lượng ắc quy (Voltage/Capacity):
(No:) VA-1881771

4E0EEBEF

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 185R14

2: 2; 185R14

Số phiếu kiểm định
(Inspection Report No)

6302D-21845/25

Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until)

28/01/2026

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 7 năm 2025

(Issued on: Day/Month/Year)

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

(INSPECTION CENTER)



29 Jul 2025 at 11:14:02

Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (Equipped with camera)

PT không được cấp tem KĐ (Vehicle not issued with inspection stamp)

Ghi chú (Notes):

-
-
-